

## PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ NGƯỜI HỌC

### Rubric A1.1. Đánh giá chuyên cần – điểm danh

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Tần suất tham gia	Không tham gia lớp học vượt quá 30% tổng số buổi	Không tham gia lớp học vượt quá 20% tổng số buổi	Không tham gia lớp học vượt quá 15% tổng số buổi	Không tham gia lớp học vượt quá 10% tổng số buổi	Tham gia đầy đủ lớp học	<b>100%</b>

### Rubric A1.2. Bài tập đánh giá trên lớp

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Hiệu quả tham gia	Không tham gia	Trả lời được 30% câu hỏi	Trả lời được 50% câu hỏi	Trả lời được 70-80% câu hỏi	Trả lời được 90 – 100% câu hỏi	<b>100%</b>

### Rubric A1.3 Thảo luận trên lớp

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Hiệu quả tham gia	Không tham gia	Có tham gia nhưng không hiệu quả	Có tham gia nhưng ít hiệu quả	Có tham gia, tương đối hiệu quả	Có tham gia, hiệu quả cao	<b>30%</b>

Tần suất tham gia	Không tham gia	Ít tham gia	Tham gia khá thường xuyên	Tham gia thường xuyên	Tham gia thường xuyên, có đóng góp, phản biện hay	<b>70%</b>
-------------------	----------------	-------------	---------------------------	-----------------------	---	------------

#### Rubric A1.4 Bài tập cá nhân về nhà

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập	Không nộp đủ số bài tập được giao. Dưới 50% bài tập nộp đúng thời hạn.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Từ 50% bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Từ 80% bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). 100% bài tập nộp đúng thời gian quy định.	<b>10%</b>
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày. Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp.	Bài tập trình bày đúng yêu cầu. Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước)	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu. Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu, logic. Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	<b>20%</b>

Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	<b>70%</b>
------------------	------------------	---	---	--	---	------------

### Rubric A1.5 Bài tập nhóm và thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	Mô tả chất lượng					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Sự chuẩn bị bài báo cáo	Sơ sài, rất nhiều lỗi chính tả.	Bố cục chưa hợp lý và nhiều lỗi chính tả.	Rõ, bố cục chưa thật hợp lý và còn lỗi chính tả.	Đẹp, rõ, bố cục hợp lý, có một ít lỗi chính tả.	Đẹp, rõ, bố cục hợp lý và không có lỗi chính tả.	<b>10%</b>
Nội dung báo cáo	Không đáp ứng yêu cầu tối thiểu.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video và giải thích cụ thể hiệu biết trên video.	<b>30%</b>
Làm việc nhóm	Dưới 50% thành viên tham gia thực hiện/trình bày.	Từ 50% thành viên tham gia thực hiện/trình bày.	Từ 60% thành viên tham gia thực hiện/trình bày.	Từ 80% thành viên tham gia thực hiện/trình bày.	100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày.	<b>30%</b>

Kỹ năng trình bày	Nói nhỏ, không tự tin, không tương tác với người nghe.	Nói không rõ lời, thiếu tự tin, ít tương tác với người nghe.	Nói rõ ràng, tự tin, nhưng tương tác chưa tốt với người nghe.	Nói rõ ràng, tự tin và tương tác tốt với người nghe.	Nói rõ ràng, tự tin, mạch lạc, thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe.	<b>10%</b>
Trả lời câu hỏi	Trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi.	Trả lời đúng từ 50% số câu hỏi.	Trả lời đúng từ 60% số câu hỏi.	Trả lời đúng từ 75% số câu hỏi.	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi.	<b>20%</b>

### Rubric A2.1 Bài thi cuối kỳ

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Kết quả bài thi	Làm đúng dưới 40% nội dung của đề thi	Làm đúng từ 40% nội dung của đề thi	Làm đúng từ 55% nội dung của đề thi	Làm đúng từ 70% nội dung của đề thi	Làm đúng từ 85% nội dung của đề thi	<b>100%</b>

### Rubric A3.1. Vấn đáp

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Kỹ năng trình bày	Nói nhỏ, không tự tin, không tương tác với người nghe. Trình bày lan man, không đúng trọng tâm	Nói không rõ lời, thiếu tự tin, ít tương tác với người nghe. Trình bày dài dòng, không rõ ràng	Nói rõ ràng, tự tin, nhưng tương tác chưa tốt với người nghe. Trình bày dài dòng	Nói rõ ràng, tự tin và tương tác tốt với người nghe. Trình bày ngắn gọn, dễ hiểu	Nói rõ ràng, tự tin, thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Trình bày ngắn gọn, mạch lạc, dễ hiểu.	<b>40%</b>

Trả lời câu hỏi	Trả lời đúng < 40% số câu hỏi.	Trả lời đúng < 55% số câu hỏi.	Trả lời đúng < 70% số câu hỏi.	Trả lời đúng < 85% số câu hỏi.	Trả lời đúng $\geq$ 85% các câu hỏi.	<b>60%</b>
-----------------	--------------------------------	--------------------------------	--------------------------------	--------------------------------	--------------------------------------	------------

### Rubric A3.2. Báo cáo thực tập / Các chuyên đề

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Tiến độ thực hiện	Không hoàn thành báo cáo	Hoàn thành trễ tiến độ (3 lần)	Hoàn thành trễ tiến độ (2 lần)	Hoàn thành trễ tiến độ (1 lần)	Hoàn thành báo cáo đúng tiến độ	<b>30%</b>
Trình bày	Sơ sài, rất nhiều lỗi chính tả. Không có các bảng tính, sơ đồ, hình ảnh theo yêu cầu	Bố cục chưa hợp lý và nhiều lỗi chính tả. Bảng tính, sơ đồ, hình ảnh chưa rõ ràng, một số không đúng chủ đề.	Rõ, bố cục chưa thật hợp lý và không còn lỗi chính tả. Bảng tính, sơ đồ, hình ảnh đúng chủ đề, thiếu giải thích rõ ràng	Đẹp, rõ, bố cục hợp lý, và không còn lỗi chính tả. Bảng tính, sơ đồ, hình ảnh đúng chủ đề, đã có giải thích rõ ràng	Đẹp, rõ, bố cục hợp lý và không có lỗi chính tả. Bảng tính, sơ đồ, hình ảnh đúng chủ đề, phong phú, giải thích rõ ràng, có sáng tạo.	<b>30%</b>
Nội dung	Nội dung thuyết minh không đáp ứng yêu cầu tối thiểu. Dữ liệu thu thập không phù hợp	Nội dung thuyết minh đáp ứng với yêu cầu tối thiểu. Dữ liệu thu thập thiếu	Nội dung thuyết minh đáp ứng yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Dữ liệu thu thập đạt yêu cầu	Nội dung thuyết minh đầy đủ, sử dụng thuật ngữ chuyên ngành dễ hiểu. Dữ liệu thu thập phong phú, đa dạng	Nội dung thuyết minh đầy đủ, trình bày logic, Sử dụng đúng các thuật ngữ chuyên ngành. Dữ liệu thu thập phong phú, đa dạng, có giá trị, có tính cập nhật.	<b>40%</b>
	Làm đúng dưới 40% nội dung của yêu cầu	Làm đúng từ 40÷55% nội dung của yêu cầu	Làm đúng từ 55÷70% nội dung của yêu cầu	Làm đúng 70÷85% nội dung của yêu cầu	Làm đủ trên 85% nội dung của yêu cầu	